

MỤC LỤC

Trang

SAU CẤP KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

MỤC TÍNH

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

American Auditing



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

MỤC LỤC

Kinh phí:	Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Trang
1,	BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	1 - 2
2,	BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	3
3,	BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	4 - 6
4,	BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	7 - 10
5,	BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	11



Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm về độ chính xác và đầy đủ của các thông tin được trình bày trong Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty không còn chi phí đáng kể để thay đổi nội dung Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính.

Công việc kiểm toán độc lập được thực hiện theo các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập được áp dụng tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập này dựa trên các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam.

Công việc kiểm toán độc lập được thực hiện theo các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập được áp dụng tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập này dựa trên các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam dựa trên các tiêu chuẩn kiểm toán độc lập quốc tế được áp dụng tại Việt Nam.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán độc lập các tài liệu kế toán và các tài liệu khác liên quan đến Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo kết quả của việc kiểm toán độc lập, chúng tôi cho rằng Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam phản ánh đúng và đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Số: 048/2013/BCKT-ATTC-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013** **CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, được trình bày từ trang 3 đến trang 11.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở cho ý kiến kiểm toán

Trong năm công ty có ký một số hợp đồng hợp tác kinh doanh môi giới mua gom chứng khoán với một số tổ chức, cá nhân và tính lãi phải thu đối với các hợp đồng này. Tổng giá trị của 4 hợp đồng đặt cọc thu gom chứng khoán này là 145 tỷ (chiếm 67% tổng tài sản của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013) lần lượt là hợp đồng 050313/HĐHTKD/ISC-GLX ngày 05/03/2013 giá trị 35 tỷ, hợp đồng 071113/HĐMG/CN-ISC ngày 07/11/2014 giá trị 30 tỷ, hợp đồng 291113/HĐUT/ISC-TB ngày 29/11/2013 giá trị 20 tỷ và hợp đồng 080613/HĐMG/CN-ISC giá trị 60 tỷ. Các hợp đồng này chưa được pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định nên chứa đựng nhiều rủi ro. Công ty đang trong lộ trình tất toán các hợp đồng nêu trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Vì tính trọng yếu của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở cho ý kiến kiểm toán", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM kèm theo được soạn lập phù hợp với Thông tư số 226/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2010 về Quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



Handwritten signature in blue ink.

LÊ VĂN THÀNH

NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận hành nghề số 0357-2013-070-1

Giấy chứng nhận hành nghề số 0673-2013-0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2014



TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2014

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

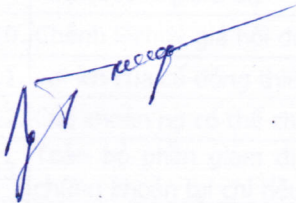
Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài Chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;


(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng



NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

**Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ**



TRẦN THỊ BÍCH HẠNH

Tổng Giám đốc



TRẦN ĐỨC THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

ST T	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
A	Nguồn vốn	(1)	(2)	(3)
1.	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135,000,000,000		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	10,584,000,000		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8.	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	23,569,909,000		
9.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11.	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	
1A	Tổng	169,153,909,000		
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	-	72,694,455,107	-
1.	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2.	Trả trước cho người bán	-	-	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

ST T	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5.	Các khoản phải thu khác	-	72.694.455.107	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	72.694.455.107	-
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
IV	Hàng tồn kho	-	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	-	991.972.337	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	-	991.972.337	-
4.1	Tạm ứng	-	988.972.637	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày	-	988.972.637	-
4.2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	2.999.700	-
1B	Tổng		73.686.427.444	
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-

31/12/2013
 VỐN PHỤ TẠCH
 14/12/2013
 HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I - BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

ST T	NỘI DUNG	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
4.	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
1.5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	1.903.423.354	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3.	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5	-	-	-
4.	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	2.608.288.260	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	Tổng	-	4.511.711.614	-
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C	91.435.124.621	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	5.347.045.560	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ	0%		-
II	Trái phiếu chính phủ			-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%		-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%		-
III	Trái phiếu doanh nghiệp			-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

IV	Cổ phiếu			-
8.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	-	-
9.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	-	-
10.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11.	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12.	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	-	-
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-
13.	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14.	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			-
15.	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16.	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
VII	Chứng khoán khác			-
17.	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
18.	Các tài sản đầu tư khác	50%	-	-
VIII	Mức rủi ro tăng thêm (nếu có)			-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.		30%		
2.		20%		
3.		10%		-
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán							-
1.	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán.	-	-	-	-	-	-	-
2.	Cho vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3.	Vay chứng khoán/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

B. RỦI RO THANH TOÁN				
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán			-
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	-	-
2.	16 – 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	-	-
3.	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	-	-
4.	Từ 60 ngày trở đi	100%	-	-
III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-
	Chi tiết đến từng khoản vay, từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1.	...			-
2.	...			-
3.	...			-
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B = I+II+III)				-
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)				
			Giá trị	
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng		36.387.810.589	
II	Các khoản chi phí trừ khỏi tổng chi phí		23.826.189.488	
1.	Chi phí khấu hao		1.131.734.381	
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn		-	
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn		-	
4.	Dự phòng nợ phải thu khó đòi		22.694.455.107	
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)		12.561.621.101	
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)		3.140.405.275	
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán		27.000.000.000	
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})			27.000.000.000	
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)			27.000.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

V/v Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	-	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27,000,000,000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	27,000,000,000	
5.	Vốn khả dụng	90,955,769,942	
6.	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	336.87%	

Kế toán trưởng

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Trưởng bộ phận
Kiểm soát nội bộ

TRẦN THỊ BÍCH HẠNH

Tổng Giám đốc



TRẦN ĐỨC THUẬN